

Tuyên bố báo chí về Chuyến thăm Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Báo cáo viên Đặc biệt của Liên Hợp Quốc về tự do tôn giáo hay tín ngưỡng,

Heiner Bielefeldt

Hà Nội, Việt Nam, 31/7/2014

Với tư cách là Báo cáo viên Đặc biệt của Liên Hợp Quốc về tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, tôi đã được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam mời tiến hành một chuyến thăm quốc gia từ ngày 21 đến 31 tháng 7 năm 2014.

Trước hết, tôi cảm ơn Chính phủ Việt Nam đã mời tôi đến đây và đã duy trì mối quan hệ hợp tác mang tính xây dựng với Thủ tục Đặc biệt mà tôi phụ trách. Báo cáo viên tiền nhiệm của tôi, ông Abdelfattah Amor đã quá cố, cũng đã đến thăm Việt Nam vào năm 1998. Từ năm 2010 đến nay, Việt Nam đã tích cực hợp tác với các Thủ tục Đặc biệt và đã mời sáu chuyên gia thực thi các thủ tục này, trong đó có tôi, tiến hành các chuyến thăm quốc gia. Việt Nam cũng là một thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc. Bộ Ngoại giao Việt Nam cũng đã rất tích cực trong việc chuẩn bị và hỗ trợ trong suốt chuyến thăm này. Bộ cũng tạo điều kiện để chúng tôi thăm một tù nhân.

Tôi cảm ơn tất cả các bên đã gặp và tham gia trao đổi với tôi trong chuyến thăm này, từ các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp của Chính phủ, các cộng đồng hay tổ chức tôn giáo (đã được công nhận hay chưa được công nhận), đến cộng đồng ngoại giao và các cơ quan Liên Hợp Quốc. Tôi cũng muốn cảm ơn Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Hà Nội đã hỗ trợ về hậu cần cho chuyến đi. Những cuộc thảo luận ở Hà Nội, Tuyên Quang, thành phố Hồ Chí Minh và Vĩnh Long nhìn chung đều cởi mở, thẳng thắn và mang tính xây dựng.

Dự định đi thăm An Giang, Gia Lai và Kon Tum của đoàn không may đã bị gián đoạn từ ngày 28 đến 30 tháng 7. Tôi nhận được những thông tin đáng tin cậy là một số cá nhân tôi muốn gặp đã bị đặt dưới sự theo dõi chặt chẽ, cảnh cáo, đe dọa, sách nhiễu hoặc bị công an ngăn cản việc đi lại. Ngay cả những người đã gặp được tôi cũng không tránh khỏi việc bị công an theo dõi hoặc chất vấn ở một mức độ nhất định. Ngoài ra, việc di chuyển của tôi cũng bị giám sát chặt bởi “những cán bộ an ninh hoặc công an” mà chúng tôi không được thông báo rõ, đồng thời sự riêng tư và bảo mật của một số cuộc gặp gỡ cũng bị ảnh hưởng. Những việc này là sự vi phạm rõ ràng các điều khoản tham chiếu của bất kỳ chuyến thăm quốc gia nào.

Hôm nay, tôi trình bày với các bạn ở đây những phát hiện sơ bộ và một số nhận xét chính của tôi mà tôi muốn các bạn chú ý tới. Tuyên bố báo chí này không phải là báo cáo cuối cùng. Báo cáo chính thức sẽ được trình bày tại kỳ họp thứ 28 của Hội đồng Nhân quyền vào tháng 3 năm 2015. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo, tôi sẽ tiếp tục hợp tác và làm việc trên cơ sở tham vấn với Chính phủ và tất cả các bên liên quan để có thêm các thông tin và làm sáng tỏ những điểm chưa rõ, đặc biệt về các vấn đề liên quan đến những vùng tôi không thể đến thăm.

I. Tóm lược tình hình tôn giáo ở Việt Nam

Việt Nam có nhiều tôn giáo và tín ngưỡng. Ban Tôn giáo Chính phủ cho tôi biết hiện có 37 tổ chức tôn giáo được đăng ký trong cả nước. Theo con số thống kê của Chính phủ, tổng số tín

đồ của các tôn giáo được công nhận là khoảng 24 triệu người trong tổng dân số 90 triệu người. Các cộng đồng tôn giáo được công nhận chính thức gồm 11 triệu Phật tử, 6,2 triệu tín đồ Công giáo, 1,4 triệu người theo đạo Tin lành, 4,4 triệu người theo đạo Cao Đài, 1,3 triệu Phật tử Hòa Hảo cùng với 75.000 người Hồi giáo, 7.000 người Baha'is, 1.500 người Ấn Độ giáo và những người theo các tôn giáo khác. Chính thức có 26.387 cơ sở thờ tự gồm chùa, đền thờ, nhà thờ và các nơi thờ tự khác. Việt Nam tự hào đã tổ chức các hội nghị quốc tế của các nhà lãnh đạo tôn giáo, cụ thể là một đại hội các chức sắc Phật giáo được tổ chức vào Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc vào tháng 5/2014. Tôi cũng được cho biết là ở Việt Nam có 54 dân tộc. Đôi khi các nhóm dân tộc thiểu số cũng chính là các nhóm tôn giáo thiểu số.

Trong khi đa số người dân Việt Nam không thuộc một cộng đồng tôn giáo được chính thức công nhận, họ cũng vẫn thỉnh thoảng hoặc thường xuyên thực hiện những nghi lễ truyền thống – mà ở Việt Nam thường gọi là “tín ngưỡng”. Nhiều nghi lễ truyền thống biểu đạt sự tôn kính tổ tiên. Ngoài ra, trong thực tế có những niềm tin và thực hành tôn giáo nằm ngoài các cộng đồng tôn giáo đã chính thức được công nhận. Khó có thể có một bức tranh rõ ràng và đầy đủ về vấn đề này, nếu không muốn nói là không thể. Một vài chuyên gia của Chính phủ đưa ra ước tính tương đối thấp về số người đang thực hành các tôn giáo bên ngoài các cộng đồng đã được công nhận. Nhưng đồng thời tôi cũng nghe được những phỏng đoán rằng số người đang thực hành tôn giáo ngoài các cộng đồng đã được đăng ký – hoặc đang muốn đăng ký – có thể lên đến hàng triệu người. Bên cạnh những ước đoán khác nhau về con số, tôi cũng nhận được những thông tin trái ngược nhau về các điều kiện để những người này có thể thụ hưởng quyền con người về tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo hay tín ngưỡng.

Nhiều người chúng tôi tiếp xúc nhấn mạnh một thực tế rằng các điều kiện để thực hành tự do tôn giáo ở Việt Nam nhìn chung đã được cải thiện so với tình hình sau năm 1975. Nhiều đại diện các cộng đồng tôn giáo cũng chia sẻ nhận xét này, và họ công nhận rằng, mặc dù còn có nhiều khó khăn nhưng hiện nay nhìn chung họ có nhiều không gian để thực hành tôn giáo hơn trong quá khứ. Mặt khác, điều kiện để các cá nhân hoặc các nhóm thực hành tôn giáo hay tín ngưỡng cũng khó đoán, và thường phụ thuộc vào thiện chí của các cơ quan Chính phủ, đặc biệt là chính quyền địa phương. Ngoài ra, thành viên của các nhóm thiểu số về tôn giáo không được công nhận chính thức tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong việc thực hành tự do tôn giáo tín ngưỡng của mình, đặc biệt khi các thực hành tôn giáo hay nghi lễ của họ bị cho là không phù hợp với “lợi ích chính đáng của số đông” – một cụm từ thường được nhắc đến trong một số cuộc thảo luận.

II. Các quy định pháp lý và việc thực hiện

a) Quy định pháp lý điều chỉnh thực hành tôn giáo hay tín ngưỡng

Việt Nam đã phê chuẩn hầu hết các công ước nhân quyền quốc tế, bao gồm Công ước quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị, trong đó Điều 18 bảo vệ chung tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hay tín ngưỡng.

Hiến pháp mới sửa đổi của Việt Nam¹ quy định chương II “Quyền con người, Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”. Tại đó, Hiến pháp 2013 cũng nhắc đến tự do tôn giáo hay tín ngưỡng trong Điều 24. Các đại diện của Chính phủ đã nhắc lại nhiều lần và nhấn mạnh

¹ Bản Hiến pháp sửa đổi đã được Quốc Hội thông qua ngày 28/11/2013.

rằng những người có quyền được quy định trong điều này bao gồm tất cả mọi người, trong khi quy định tương ứng tại Hiến pháp 1992 giới hạn ở các công dân Việt Nam. Điều này được trình bày như một dấu hiệu cho thấy thái độ nhìn chung là tích cực hơn đối với tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Điều 24 quy định như sau:

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.
2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

Việt Nam chưa có một luật riêng điều chỉnh các vấn đề tôn giáo. Văn bản pháp lý liên quan nhất là Pháp lệnh về Tôn giáo và Tín ngưỡng ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2004. Nghị định số 92 ngày 8/11/2012 quy định chi tiết các điều khoản trong Pháp lệnh. Trong Pháp lệnh về Tôn giáo và Tín ngưỡng, Điều 38 khẳng định các quy định trong các điều ước quốc tế sẽ có hiệu lực trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Pháp lệnh và các điều ước quốc tế.²

Tôi được biết một dự án xây dựng luật về các vấn đề tôn giáo trên nền tảng Pháp lệnh hiện hành sẽ được đưa ra trong năm 2015, và dự kiến được thông qua năm 2016. Ngoài việc vị thế pháp lý của một văn bản luật sẽ cao hơn so với một pháp lệnh, quá trình soạn thảo một luật mới toàn diện có thể là cơ hội để có những sửa đổi cụ thể với mục đích thúc đẩy quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng và việc thực thi quyền này trong thực tế. Khi thảo luận vấn đề này với các chuyên gia của Chính phủ về vấn đề tôn giáo, đã có những nhận định rằng vấn đề đất đai sẽ được giải quyết tốt hơn, đồng thời người nước ngoài cũng sẽ có điều kiện dễ dàng hơn để thực hành tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Những người khác cũng bày tỏ sự sẵn sàng cân nhắc những thay đổi cụ thể để khắc phục những quy định hạn chế trong Pháp lệnh năm 2004.

b) Những hạn chế đối với tự do tôn giáo hay tín ngưỡng

Theo tiêu chuẩn quốc tế, việc thực hành quyền con người về tự do tôn giáo hay tín ngưỡng không phải là không thể có một số hạn chế được đặt ra. Đồng thời, Điều 18 Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) liệt kê một số tiêu chí cần đạt được để những hạn chế đặt ra đó được coi là chính đáng. Việc tuân thủ nghiêm ngặt tất cả các tiêu chí này là cốt yếu để đảm bảo rằng tự do tôn giáo hay tín ngưỡng trở thành sự thực.

Các điều khoản hạn chế được quy định trong các văn bản luật có liên quan của Việt Nam hiện nay rộng hơn nhiều so với các điều khoản hạn chế quy định trong ICCPR. Tuy nhiên quy định giới hạn quá rộng có thể làm nhòe ranh giới của tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, vì thế gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực thi quyền này trong thực tế. Điều còn thiếu trong các quy định pháp luật của Việt Nam về tôn giáo, trước hết là chưa nêu rõ rằng khía cạnh cá nhân trong niềm tin và nhận thức tôn giáo, đạo đức hay triết lý của một người – thường được gọi là “forum internum” (tâm linh, hay thế giới nội tâm) – phải được tôn trọng vô điều kiện và không bao giờ được áp dụng bất kỳ giới hạn chính đáng hay can thiệp nào với bất kỳ lý do nào, ngay cả trong trường hợp khủng hoảng nghiêm trọng hay tình trạng

² Xem điều 38 Pháp lệnh Tôn giáo và Tín ngưỡng: “Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì thực hiện theo quy định của điều ước đó.”

khẩn cấp. Việc bảo vệ vô điều kiện đối với tâm linh cá nhân phản ánh quan niệm rằng cưỡng ép con người giả mạo một niềm tin không thực hoặc từ bỏ điều họ tin tưởng sâu sắc có thể phá hủy lòng tự tôn của họ. Việc cấm bất kỳ sự can thiệp mang tính cưỡng ép nào đối với nội tâm trong niềm tin tôn giáo, đạo đức hay triết lý của một người vì thế cũng có vị trí quan trọng trong luật quốc tế tương đương với việc cấm nô lệ hay cấm tra tấn. Đây là những quy định tuyệt đối không có bất kỳ ngoại lệ nào. Trong khi đó, Điều 24 Hiến pháp 2013 nhắc đến tự do tôn giáo hay tín ngưỡng nói chung mà không quy định cụ thể việc bảo vệ khía cạnh tâm linh cá nhân trong tự do tôn giáo hay tín ngưỡng.

Không như tâm linh bên trong con người, việc truyền bá tôn giáo hay tín ngưỡng trong phạm vi xã hội (“forum externum”, hay thế giới bên ngoài) không được bảo vệ vô điều kiện, theo luật quốc tế quy định. Vì vậy phải quy định cụ thể các điều kiện được phép áp dụng các hạn chế một cách rõ ràng và dự đoán được. Việc này cần được thực hiện trên cơ sở nhận thức rằng tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, ở cả khía cạnh cá nhân và cộng đồng, có vị thế quy định là một quyền con người phổ quát. Mỗi quan hệ giữa quyền tự do này và những hạn chế đối với quyền ấy, vì thế, cần được xem xét như một mối quan hệ giữa quy định và ngoại lệ. Theo đó, việc đưa ra các lập luận chứng minh không phải là nghĩa vụ của những người muốn thực hành quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng của họ; mà là nghĩa vụ của những người cho rằng việc hạn chế là cần thiết. Trong trường hợp có nghi vấn, quy định sẽ được áp dụng, còn ngoại lệ luôn luôn yêu cầu phải có thêm lập luận chứng minh, cả ở mức độ bằng chứng cụ thể và lập luận lý thuyết.

Khi trao đổi với các đại diện của Chính phủ, tôi thường nghe nhắc đến “pháp luật Việt Nam” nói chung. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu đối với các biện pháp hạn chế quy định trong điều 18 ICCPR, những hạn chế này phải cụ thể hơn và đáp ứng được các tiêu chí đặt ra. Ngoài việc phải được quy định về mặt pháp lý một cách rõ ràng, cụ thể và đoán trước được, những hạn chế phải là cần thiết để phục vụ một mục đích chính đáng – bảo vệ “an toàn của công chúng, trật tự công, sức khỏe, hay đạo đức hay các quyền và tự do căn bản của những người khác”.³ Thêm nữa, các hạn chế phải tuân thủ chặt chẽ tính cân xứng, nghĩa là các hạn chế phải luôn luôn giữ ở mức can thiệp tối thiểu. Những tiêu chuẩn này và một số tiêu chuẩn khác đã được quy định với mục đích bảo vệ các thành tố của tự do tôn giáo hay tín ngưỡng ngay cả trong những tình huống (có vẻ, hay thực sự) có xung đột với những quyền khác, hay với lợi ích chung quan trọng.

Để so sánh, các văn bản pháp lý liên quan của Việt Nam đã cho các cơ quan chính quyền nhiều không gian để quy định, giới hạn, hạn chế hay cấm việc thực hành tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Điều 14 Hiến pháp 2013 liệt kê một số lý do để hạn chế các quyền con người và quyền công dân mà, tôi cho rằng, cũng áp dụng với tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Khả năng hạn chế các quyền con người vì lợi ích của “quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”⁴ đã khác so với các mục đích được liệt kê trong điều 18 ICCPR. Mặt khác, Pháp lệnh về Tôn giáo và Tín ngưỡng cũng đưa ra các mục đích như “lòng yêu nước”, “thống nhất đất nước”, “đoàn kết nhân dân” và “truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc”. Thêm nữa, theo điều 8, khoản 2 của Pháp lệnh, “Không được lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái với pháp luật, chính sách của Nhà nước; chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn giáo; gây rối trật tự công

³ Điều 18, khoản 3 ICCPR.

⁴ Điều 14, khoản 2 Hiến pháp 2013.

cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.”

Trong các cuộc thảo luận với các quan chức Chính phủ ở các cơ quan khác nhau, bao gồm đại diện cấp cao của cơ quan lập pháp, tôi thấy những hạn chế rất rộng này được nhắc đến nhiều lần. Viện dẫn “lợi ích xã hội” không rõ ràng cũng có thể, thậm chí, dẫn đến truy tố tội hình sự, theo Điều 258 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 của Điều này quy định: “Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.” Tôi thấy một điều đáng lo ngại trong điều khoản này là việc không có quy định cụ thể hành vi như thế nào sẽ bị coi là “lợi dụng” tự do tôn giáo hoặc các quyền tự do dân chủ khác. Các thành viên của Tòa án Nhân dân Tối cao không đưa ra hướng dẫn cụ thể nào để giải thích thuật ngữ “lợi dụng”. Cách thức quy định rộng và không rõ ràng trong Điều 258 đã đem lại cho các cơ quan chức năng liên quan khả năng tự ý định đoạt để ngăn người dân trong tất cả các loại hoạt động – kể cả thái độ ngầm của họ - nếu những hoạt động này bằng cách nào đó bị coi là mâu thuẫn với lợi ích của Nhà nước. Từ nhiều trao đổi thảo luận tôi đã nghe, đây không phải là một vấn đề lý thuyết đơn thuần, và Điều 258 Bộ luật Hình sự đã được áp dụng thường xuyên, và được áp dụng để hạn chế quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng và các quyền con người khác. Khi đặt ra câu hỏi về tù nhân lương tâm, tôi được cho biết không có vụ việc nào về tù nhân lương tâm. Với quy định không rõ ràng và con số lớn các vụ việc bị buộc tội theo Điều 258 bộ Luật Hình sự, người ta tự hỏi làm thế nào cơ quan có thẩm quyền có thể loại trừ được khả năng này.

c) Yêu cầu hành chính với thực hành tôn giáo

Pháp lệnh về Tôn giáo và Tín ngưỡng bao gồm rất nhiều quy định mà các cộng đồng tôn giáo phải tuân thủ để có thể hoạt động. Các quy định này được hướng dẫn chi tiết hơn trong Nghị định 92. Ví dụ, các cộng đồng tôn giáo được yêu cầu phải đăng ký tư cách với Ban Tôn giáo Chính phủ; họ phải xin các giấy phép cụ thể để xây dựng hay kiến thiết nơi thờ tự; họ phải trình với chính quyền địa phương một bản kế hoạch các hoạt động hàng năm; họ phải thông báo với chính quyền về việc bổ nhiệm các chức sắc tôn giáo; họ phải được chính quyền địa phương liên quan cho phép mới có thể tiến hành các nghi lễ ở nơi công cộng, vv.. Các yêu cầu trong Pháp lệnh và Nghị định bao gồm những nghĩa vụ về thông tin và thông báo cũng như quy định phải được phê duyệt trước khi tiến hành một số hoạt động tôn giáo nhất định. Nghị định cũng quy định thời hạn mà chính quyền được yêu cầu phải trả lời các đơn được gửi đến. Nếu có một quyết định không thuận, cơ quan có thẩm quyền phải nêu rõ lý do.

Những phát hiện sơ bộ của tôi không nhằm mục đích đưa ra một đánh giá tổng thể những quy định hành chính rất cụ thể trong Pháp lệnh và Nghị định xem các quy định này có phản ánh phù hợp sự tôn trọng tự do tôn giáo tín ngưỡng không. Thay vào đó, tôi sẽ tập trung vào một vấn đề xuất hiện trong hầu hết tất cả các cuộc thảo luận của chúng tôi, đó là yêu cầu các cộng đồng tôn giáo phải có đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Theo Điều 16 của Pháp lệnh, các tổ chức cần phải đáp ứng được một số tiêu chí để được công nhận trước pháp luật là một tổ chức tôn giáo. Cụ thể là, các điều kiện này nhằm đảm bảo tôn trọng “thuần phong,

mỹ tục và lợi ích của dân tộc”.⁵ Không đề cập đến các chi tiết về thủ tục và nội dung cụ thể, tôi muốn tập trung vào hai khía cạnh đặc biệt quan trọng.

Khía cạnh đầu tiên liên quan đến bản chất của việc đăng ký. Đây là một đề nghị, hay một yêu cầu chính thức? Khi thảo luận vấn đề này, tôi nhận được những câu trả lời khác nhau, và có vẻ như thiếu sự rõ ràng. Trong khi một số đại diện của Chính phủ tuyên bố không chút ngập ngừng rằng không có đăng ký với chính quyền thì các cộng đồng sẽ không được hoạt động, một số khác cho rằng một cộng đồng tôn giáo vẫn có thể tiến hành một số hoạt động tôn giáo căn bản như tụ họp để sinh hoạt tôn giáo tại nhà riêng. Ngay cả với cách diễn giải thứ hai mang tính tạo thuận lợi hơn, tôi kinh ngạc thấy phạm vi của tự do tôn giáo vẫn còn rất hạn chế và không rõ ràng.

Trong bối cảnh này, thuật ngữ “công nhận” được sử dụng trong Pháp lệnh và cũng được đề cập đến trong nhiều cuộc trao đổi, có thể cần được giải nghĩa ngắn gọn. Việc thực thi quyền con người đối với tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, bởi cá nhân và/hoặc trong một cộng đồng với những người khác, không thể diễn ra phụ thuộc vào bất kỳ hành vi công nhận hay phê duyệt hành chính cụ thể nào. Là một quyền phổ quát, tự do tôn giáo hay tín ngưỡng vốn có trong tất cả con người và vì thế có vị thế quy chuẩn cao hơn bất kỳ một hành vi hay thủ tục hành chính nào. Lời nói đầu của Tuyên ngôn Nhân quyền Toàn cầu bắt đầu bằng “công nhận nhân phẩm vốn có và các quyền bình đẳng và không thể bị tước đoạt của tất cả các thành viên trong gia đình nhân loại”. Rõ ràng là “công nhận” ở đây có nghĩa cơ bản là bất kỳ tương tác có nghĩa nào giữa con người với nhau đều phải tôn trọng nhân phẩm và các quyền con người. “Công nhận” trong nghĩa căn bản là tôn trọng nhân phẩm và nhân quyền, vì thế, vượt trên bất kỳ sự “công nhận” nào về mặt hành vi hành chính cụ thể.

Như vậy, quyền của một cá nhân hay một nhóm đối với tự do tôn giáo hay tín ngưỡng của họ không bao giờ có thể “được tạo ra” bằng bất kỳ thủ tục hành chính nào. Đúng ra là ngược lại, việc đăng ký phải là phương tiện cho quyền con người này, mà bản thân quyền ấy phải được tôn trọng là có trước bất kỳ việc đăng ký nào. Trên cơ sở nhận thức chung ấy, việc đăng ký phải là một đề nghị của Nhà nước, không phải một yêu cầu bắt buộc về mặt pháp lý. Tình trạng của các cộng đồng tôn giáo không đăng ký, vì thế, gợi ý kết quả của một phép thử quan trọng đối với nhận thức về vị thế chuẩn của tự do tôn giáo hay tín ngưỡng nói chung.

Điểm thứ hai, tôi muốn đưa ra những quan ngại về việc có tồn tại một tư cách pháp nhân nào khác đối với một số cộng đồng không được đăng ký như tổ chức tôn giáo. Với các tiêu chí khá cao như quy định trong Điều 16 của Pháp lệnh, việc các cộng đồng tôn giáo hoặc tín ngưỡng có một phương án lựa chọn đáng tin cậy để được nhận một hình thức tư cách pháp

⁵ Điều 16 khoản 1 Pháp lệnh Tôn giáo và Tín ngưỡng quy định như sau:

1. Tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Là tổ chức của những người có cùng tín ngưỡng, có giáo lý, giáo luật, lễ nghi không trái với thuần phong, mỹ tục, lợi ích của dân tộc;
- b) Có hiến chương, điều lệ thể hiện tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc và không trái với quy định của pháp luật;
- c) Có đăng ký hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định;
- d) Có trụ sở, tổ chức và người đại diện hợp pháp;
- đ) Có tên gọi không trùng với tên gọi của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

nhân nào đó – nếu họ muốn – là rất quan trọng. Với tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, Nhà nước có trách nhiệm cung cấp khuôn khổ pháp lý và thể chế phù hợp để các cộng đồng tôn giáo và tín ngưỡng có thể hoạt động tự do, không phải chịu những gánh nặng không phù hợp và không có sự phân biệt đối xử. Điều này bao gồm phương án lựa chọn để các cộng đồng tôn giáo và tín ngưỡng có thể nhận được các tư cách pháp nhân khác mà họ có thể cần để thực hiện các chức năng cộng đồng quan trọng khác như mua bất động sản, tuyển dụng nhân viên chuyên nghiệp, vận hành các tổ chức từ thiện, thiết lập các viện đào tạo chức sắc tôn giáo hay giáo dục thế hệ trẻ, vv.. Không có, và không thực sự tiếp cận được với vị trí tư cách pháp nhân phù hợp, tương lai phát triển của các cộng đồng tôn giáo và tín ngưỡng, đặc biệt là các nhóm nhỏ, có thể bị nguy hiểm nghiêm trọng. Tôi được biết rằng có khả năng cho các cộng đồng tôn giáo đăng ký như các hiệp hội, nhưng tôi không có điều kiện để tìm hiểu kỹ hơn phương án này trên thực tế đã được áp dụng đến mức độ nào.

Trao đổi với nhiều đại diện khác nhau của Chính phủ về vấn đề đăng ký, tôi tin rằng đây là một vấn đề cần quan tâm, đòi hỏi các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác. Tôi khuyến nghị rằng những cải cách pháp lý mới cần (1) làm rõ rằng tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, với vị thế là một quyền con người, cao hơn bất kỳ một hành vi phê duyệt hành chính nào và có thể được thực hành bởi các cá nhân và các nhóm người trước khi đăng ký và độc lập với việc đăng ký; (2) đem lại cho các cộng đồng tôn giáo các phương án lựa chọn đáng tin cậy và dễ tiếp cận hơn để họ có được tư cách pháp nhân phù hợp nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển tự do của một cơ cấu tổ chức phù hợp. Ban Tôn giáo Chính phủ cần đóng một vai trò cốt yếu trong việc hướng dẫn và đào tạo các cơ quan địa phương diễn giải các quy định theo các quyền con người phổ quát.

d) Vấn đề truy đòi khắc phục pháp lý

Điều 30 Hiến pháp 2013 quy định mọi người có quyền khiếu nại với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc thực thi hiệu quả các quyền con người, bao gồm tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, phụ thuộc nhiều vào sự tồn tại của một cơ chế truy đòi khắc phục pháp lý phù hợp. Mọi người phải có thể khắc phục, mà không bị yêu cầu đáp ứng những giới hạn hay gánh nặng bất hợp lý nào, bằng những công cụ pháp lý để có thể không thừa nhận một quyết định được cơ quan chức năng đưa ra nếu họ thấy các quyền có họ đã bị vi phạm, căn cứ vào tất cả các nguyên tắc về đảm bảo một quá trình thích đáng và công bằng. Mục đích chính của biện pháp truy đòi khắc phục pháp lý không phải để xác định xem cá nhân nào trong hệ thống hành chính đã làm sai, mà để đảm bảo việc thực hiện một cách nhất quán các quyền con người cho tất cả mọi người.

Khi hỏi về các ví dụ liên quan đến các vụ việc trong đó người dân thành công trong việc không thừa nhận và khắc phục những cáo buộc vi phạm tự do tôn giáo và tín ngưỡng của họ như được quy định tại Điều 24 của Hiến pháp, tôi được biết chưa có trường hợp nào như vậy được biết đến ở Việt Nam. Kể cả thành viên của Tòa án Nhân dân Tối cao cũng không biết một vụ việc nào. Đây là một kết quả đáng ngạc nhiên – và càng ngạc nhiên hơn khi trong thực tế có nhiều mâu thuẫn về đất đai đã được thông tin đến tôi. Một số mâu thuẫn có vẻ có liên quan đến khía cạnh tự do tôn giáo, ví dụ như khi mảnh đất trước kia đã được dùng cho nghĩa địa tôn giáo hay các nhà thờ tự đã bị lấy đi để phục vụ phát triển kinh tế.

Khi trao đổi về vấn đề biện pháp truy đòi khắc phục pháp lý, khả năng thường được nhắc đến là gửi đơn kháng nghị đến cấp hành chính cao hơn. Tuy nhiên phương án này không

thể được tính là tương đương với một cơ quan tư pháp độc lập có nhiệm vụ bảo đảm quyền con người của tất cả mọi người, bao gồm trường hợp xung đột giữa cá nhân hay nhóm người với cơ quan hành chính. Mặc dù tôi đã nghe nói có một số trường hợp kháng nghị lên cấp cao hơn, bao gồm cả Thủ tướng, đã giúp giảm nhẹ mâu thuẫn, nhưng trong nhiều trường hợp khác, người kháng nghị không thấy cơ quan hành chính có phản ứng gì. Với một số trường hợp khác, cấp hành chính cao hơn chỉ đơn thuần chuyển lại vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để xem xét lại, nghĩa là vụ việc có thể rơi vào quên lãng. Từ góc độ pháp quyền, tình trạng này còn xa mới được coi là thỏa mãn tinh thần thượng tôn pháp luật.

III. Quyền tự chủ của các cộng đồng tôn giáo và tín ngưỡng

a) Thái độ tiêu cực đối với các cộng đồng tôn giáo chưa được công nhận

Các đại diện của Chính phủ đã nhấn mạnh nhiều lần là tôn giáo có thể và cần đóng góp vào sự phát triển của đất nước, không chỉ bằng cách khuyến khích các giá trị xã hội, đạo đức và công dân. Sự trông đợi này được phản ánh vào Pháp lệnh về Tôn giáo và Tín ngưỡng, trong đó tại Điều 2, câu thứ hai quy định: “Chức sắc nhà tu hành có trách nhiệm thường xuyên giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và ý thức chấp hành pháp luật.”

Dựa trên giả định rằng hầu hết các giá trị tôn giáo và lợi ích của Nhà nước trùng nhau, nhiều tôn giáo đã trở thành thành viên của Mặt trận Tổ quốc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tổ chức tôn giáo lớn nhất trong Mặt trận Tổ quốc là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Các cộng đồng tôn giáo được công nhận chính thức khác cũng góp một phần lớn vào Mặt trận Tổ quốc.

Khi thảo luận vấn đề này với Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi được biết Giáo hội gồm chín hệ phái Phật giáo theo truyền thống Đại thừa (phổ biến ở Việt Nam), Tiểu thừa và các nhánh khác. Hợp tác trong tinh thần đoàn kết, nhiều hệ phái có thể duy trì những đặc tính và bản sắc riêng, bao gồm những di sản ngôn ngữ khác nhau. Điều này cũng được khẳng định trong những cuộc trao đổi tại hai ngôi chùa Khmer ở thành phố Hồ Chí Minh nơi thực hành Phật giáo Tiểu thừa. Tuy nhiên, trong khi công nhận sự đa dạng ngay trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi lưu ý thấy thái độ phủ nhận các thực hành Phật giáo bên ngoài Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Một vài chức sắc trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho biết họ chưa bao giờ nghe thấy các nhóm Phật tử độc lập ở Việt Nam. Một số vị khác ám chỉ đến “quan điểm riêng” của một số cá nhân bị dẫn dắt bởi các tham vọng có vấn đề về mặt đạo đức và không đáng được chú ý nghiêm túc. Việc gán những mối quan tâm “ích kỷ” vật vãnh cho những người đang thực hành Phật giáo hay các tổ chức tôn giáo ngoài các kênh chính thống là một điều được lặp đi lặp lại trong các cuộc trao đổi. Điều này có vẻ trùng hợp với việc “lợi ích của số đông” thường được nhắc đến, với giả định là lợi ích của số đông sẽ được đặt lên trên quyền của những người thiểu số hay các cá nhân.

Tôi muốn nhấn mạnh là trong bối cảnh này, tự do tôn giáo tín ngưỡng không chỉ đơn thuần là vấn đề thiểu số. Là một quyền con người, nó liên quan đến tất cả con người, bất kể họ có theo một tôn giáo chiếm số đông hay thuộc về một cộng đồng thiểu số, hay không thuộc về một cộng đồng tôn giáo nào. Cần đặc biệt chú ý đến cách thức đối xử với những người thiểu số, vì cách thức đối xử với thiểu số thường cho thấy bầu không khí chung của một xã hội có khoan dung hay không. Khi các cộng đồng thiểu số có thể hoạt động tự do và độc lập, thành viên của một nhóm đa số nhìn chung cũng có nhiều không gian hơn để thực hành tôn giáo

của chính họ theo cách họ thấy phù hợp. Bất kỳ sự tôn trọng nào với quan điểm cá nhân, bao gồm cả quan điểm bất đồng, đều tạo điều kiện cho những dòng tư duy tự do luân chuyển trong một xã hội nói chung, và vì thế cũng làm phong phú sự tương tác của những người thuộc các nhóm đa số. Tuy nhiên, tôi đã lưu ý thấy trong một số cuộc trao đổi, “lợi ích của đa số” đã được viện dẫn với mục đích rõ ràng là để phủ nhận yêu cầu của thiểu số là không phù hợp, hoặc để cho rằng những yêu cầu ấy là không chính đáng vì có vấn đề đạo đức. Việc này cũng xảy ra khi vấn đề các tổ chức tôn giáo độc lập – như Giáo hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, các nhóm độc lập theo đạo Hòa Hảo, Cao Đài hay Tin lành – được nêu ra.

Trong các cuộc gặp gỡ với các đại diện của cộng đồng Phật giáo độc lập, tôi được nghe những khiếu nại về tình trạng đàn áp vẫn diễn ra, bao gồm việc công an triệu tập, giữ tại nhà, bỏ tù và tịch thu tài sản, những việc sẽ cản trở các cá nhân thực hành tự do tôn giáo hay tín ngưỡng kể cả ở mức tối thiểu. Mặc dù tôi không thể phân tích một cách thỏa đáng và chi tiết tất cả những khiếu nại đó (việc này sẽ cần nhiều thông tin hơn từ tất cả các bên liên quan), thái độ chung phủ nhận các thực hành tôn giáo không chính thức, như tôi đã gặp trong nhiều cuộc trao đổi, là một dấu hiệu cho thấy rõ ràng rằng cộng đồng Phật tử độc lập hiện không thể thực hành tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Bên cạnh đó, một số nhà sư tự gọi mình là “Khmer Krom” cũng muốn có thêm quyền tự chủ không chỉ trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam mà còn cả bên ngoài tổ chức Phật giáo có tính bao trùm này. Tình hình của các cộng đồng Hòa Hảo độc lập cũng có vẻ khó khăn như vậy.

Một tôn giáo ít được biết đến bên ngoài Việt Nam là đạo Cao Đài. Đạo này tập hợp nhiều truyền thống của Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo và Cơ đốc giáo với một số phương thức truyền dạy mới. Giống như trường hợp của Phật giáo, tín đồ Cao Đài chia ra thành nhóm những người là thành viên của Mặt trận Tổ quốc và nhóm những người nhất quyết thực hành tôn giáo độc lập. Mỗi quan hệ giữa hai nhóm có vẻ căng thẳng. Trong khi các nhóm Cao Đài chính thức cáo buộc nhóm không chính thống là có tư tưởng chia rẽ và gây ra “hoang mang” trong nhân dân, nhóm Cao Đài độc lập cho rằng truyền thống chân truyền của họ bị Chính phủ can thiệp nên, họ cho rằng, đã dẫn đến áp đặt những thay đổi trong tôn giáo Cao Đài. Mặc dù tôi không ở vị trí phù hợp để đánh giá các chi tiết thần học trong mâu thuẫn giữa hai bên, nhưng tôi trông đợi Chính phủ đảm bảo việc hoạt động tự do của các cộng đồng Cao Đài độc lập và tạo điều kiện cho sự phát triển của các cộng đồng này theo cách mà bản thân họ thấy phù hợp. Tình trạng hiện nay của các nhóm Cao Đài độc lập rõ ràng là không phù hợp với tự do tôn giáo tín ngưỡng, vì các cộng đồng này thiếu cơ sở vật chất phù hợp để cầu nguyện và truyền dạy, và cho biết thường phải chịu sức ép để gia nhập các nhóm chính thức.

b) Đào tạo và bổ nhiệm giáo chức

Số các cơ sở đào tạo giáo chức của các tôn giáo khác nhau – Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài và các tôn giáo khác – đã tăng đáng kể trong những thập kỷ gần đây. Tôi được Chính phủ cho biết hiện nay có khoảng 45.000 cơ sở đào tạo tôn giáo trong cả nước. Trong khi các cộng đồng tôn giáo quyết định những phần chính trong chương trình đào tạo – nghĩa là việc dạy các giáo lý, thực hành và nghi lễ, lịch sử của cộng đồng và các vấn đề khác – chương trình cũng bao gồm các môn học về lịch sử và luật pháp Việt Nam và chủ nghĩa Mác-Lênin, do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp.

Các cộng đồng tôn giáo có thể bổ nhiệm và suy cử chức sắc tôn giáo theo quy định riêng của họ. Họ cho biết quyết định bổ nhiệm của họ không cần chính quyền phê duyệt, nhưng

cần đăng ký chức sắc tôn giáo đã được bổ nhiệm. Về việc bãi chức danh tôn giáo hay sư tăng, việc này có vẻ hiếm xảy ra, các quyết định nhìn chung cũng do cộng đồng tôn giáo đưa ra, theo giáo luật của họ. Tuy nhiên, tôi cũng đã gặp một số cáo buộc về việc Chính phủ can thiệp vào một số trường hợp trong đó nhà sư bị bắt bỏ áo tu. Tôi không thể xác định các chi tiết cần thiết để đánh giá rõ ràng những trường hợp này. Tuy nhiên, việc chỉ có rất ít các phương án lựa chọn cho một đời sống cộng đồng tôn giáo tự chủ, chắc chắn dẫn đến một tình trạng cơ cấu trong đó việc bổ nhiệm hay bãi nhiệm trên thực tế có thể chịu ảnh hưởng bởi những lợi ích của Chính phủ.

c) Các vấn đề tài sản và đất đai

Trong chuyến thăm, nhiều vấn đề tài sản đã được trao đổi với tôi, không chỉ từ thành viên của các cộng đồng tôn giáo không được công nhận mà bởi cả đại diện của các cộng đồng đang hợp tác với Chính phủ trong Mặt trận Tổ quốc. Nhiều yêu cầu về tài sản liên quan đến bất động sản và/hoặc đất đai. Để phục vụ phát triển kinh tế hoặc các dự án hiện đại hóa khác, một số cộng đồng tôn giáo đã mất – hoặc đang bị đe dọa mất – một phần lớn đất đai của họ. Tôi nhiều lần nghe được những yêu cầu trả lại cho các cộng đồng tôn giáo những tài sản họ đã bị lấy đi.

Thông thường việc tranh chấp tài sản cần có những thông tin chính xác về các tình tiết phức tạp, mà tôi không thể thu thập đủ các thông tin này. Vì thế tôi sẽ hạn chế mình trong phạm vi một số nhận xét chung. Có bất động sản và đất đai là một trong những điều kiện tiên quyết căn bản cho đời sống cộng đồng tôn giáo. Sở hữu rõ ràng và được đảm bảo vững chắc vì thế là một yếu tố quan trọng xác định quyền tự chủ của các cộng đồng tôn giáo – hay việc họ thiếu quyền tự chủ. Thêm nữa, một số cộng đồng có những gắn bó về văn hóa và tôn giáo mạnh mẽ với một mảnh đất cụ thể, ví dụ, nơi chôn cất tổ tiên của họ. Một trường hợp đặc biệt liên quan đến vấn đề này là cộng đồng Chăm đang thực hành đạo Hồi và Ấn độ giáo. Người Chăm coi mình là một nhóm dân cư bản địa và nỗ lực để được công nhận như vậy.

Đại diện của Chính phủ công nhận rằng ở Việt Nam có mâu thuẫn đất đai – cũng như ở nhiều nước khác. Đồng thời, họ nghi ngờ việc mâu thuẫn đất đai có thể ảnh hưởng đến tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Ít nhất trong một vài trường hợp, nhu cầu tôn giáo rõ ràng có vai trò quan trọng. Ví dụ, đại diện của các nhóm Tin Lành cho tôi biết về những trường hợp ở nông thôn trong đó nhiều giáo xứ Tin Lành bị gộp lại thành một để “dễ quản lý hơn”. Họ cũng cho biết, việc sáp nhập như vậy không phải luôn luôn được tiến hành với sự tôn trọng thỏa đáng đối với sự khác biệt trong những hệ phái Tin Lành khác nhau, và nhu cầu của giáo dân.

Những mâu thuẫn về vấn đề đất đai, đặc biệt khi có thêm yếu tố tôn giáo, luôn cần được xử lý một cách tinh tế với mục tiêu là đưa ra những giải pháp chấp nhận được cho tất cả các bên có quan tâm. Việc thiếu biện pháp khắc phục pháp lý như đã nêu ở trên – đặc biệt trong ngành tư pháp – cũng có ảnh hưởng mạnh đến tình trạng đất đai và các vấn đề tài sản liên quan đến các cộng đồng tôn giáo. Trong khi trao đổi với đại diện của nhiều cộng đồng tôn giáo – bao gồm cả những cộng đồng hợp tác với Chính phủ trong Mặt trận Tổ Quốc – tôi nhận thấy một nỗi thất vọng lớn về các thủ tục pháp lý không hiệu quả. Kết quả là, một số cộng đồng tôn giáo thấy họ bị phụ thuộc vào sự ban ơn của chính quyền địa phương.

IV. Thực hành tôn giáo trong những hoàn cảnh đặc biệt

a) Phạm nhân

Như đã đề cập, Điều 24 Hiến pháp 2013 quy định dành cho mọi người chứ không dành riêng cho công dân. Vì thế, phạm nhân, ngay cả khi tạm thời mất đi các quyền công dân đầy đủ, cũng cần, trong bất kỳ trường hợp nào, được thụ hưởng tự do tôn giáo hay tín ngưỡng như một quyền con người. Khi thảo luận vấn đề này tôi nhận được những thông tin trái ngược. Các cơ quan chính phủ nhìn chung nhấn mạnh rằng phạm nhân có thể thực hành tôn giáo trong phạm vi trại giam nếu việc đó không ảnh hưởng tiêu cực đến các phạm nhân khác và những hoạt động chung của trại giam. Những người khác đã trải qua cuộc sống trong tù thì nói rằng các hoạt động tôn giáo ít khi được cho phép trong tù; ngay cả việc nhận và giữ kinh sách hay tài liệu tôn giáo cũng thường bị cấm. Vấn đề này rõ ràng cần được chú ý nhiều hơn.

Việc tổ chức giáo đoàn cho trại giam, nghĩa là chức sắc của các tôn giáo khác nhau giúp hỗ trợ nhu cầu tinh thần cho phạm nhân, theo yêu cầu của phạm nhân, không tồn tại ở Việt Nam. Tuy nhiên, đại diện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam giải thích rằng họ sẽ tăng cường việc phục vụ trong các trại giam, bao gồm việc thuyết giảng để khai trí về xã hội và đạo đức cho phạm nhân. Các giáo sỹ Thiên Chúa giáo cũng thỉnh thoảng làm lễ cho phạm nhân. Các mục sư Tin Lành tôi đã trao đổi về vấn đề này cho biết họ không thấy có bất kỳ sự hỗ trợ tinh thần nào đối với phạm nhân theo đạo Tin lành.

b) Quân nhân

Quân đội Việt Nam không có hệ thống giáo đoàn quân đội để đáp ứng nhu cầu tôn giáo hay tinh thần của quân nhân. Tuy nhiên, tương tự như trong trại giam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có lẽ đang cố gắng tăng cường hoạt động này. Tôi được cho biết các vị sư cầu nguyện cho quân nhân đang phục vụ tổ quốc trong những trường hợp phức tạp. Họ cũng có thể dạy phương pháp thiền để giúp quân nhân khắc phục những khó khăn trong nhiệm vụ và điều kiện sinh hoạt.

Từ chối không phục vụ trong quân đội với lý do lương tâm không được biết đến ở Việt Nam, và không có phương án phục vụ dân sự cho các cá nhân phản đối cầm vũ khí vì lý do lương tâm.

V. Báo cáo về các trường hợp vi phạm quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng

Tôi đã được nghe một số cáo buộc nghiêm trọng về các vi phạm cụ thể đối với quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng ở Việt Nam. Các vi phạm được báo cáo gồm có những vụ vây bắt nặng tay của công an; những trường hợp thường xuyên được mời lên đồn công an “làm việc”; các hoạt động tôn giáo bị giám sát chặt chẽ; các lễ hội và nghi thức làm lễ tôn giáo bị cắt ngang; các vụ giữ tại nhà, đôi khi trong thời gian dài; các vụ bỏ tù, đôi khi cũng trong cả một quãng thời gian dài; các vụ đánh đập và hành hung; bị mất việc làm; mất phúc lợi xã hội; gây áp lực đối với những người trong gia đình; hành động phá hoại; phá dỡ những nơi thờ tự, nghĩa trang và các nhà tang lễ; tịch thu tài sản; gây áp lực một cách có hệ thống để phải từ bỏ một số hoạt động tôn giáo nhất định và chuyển sang hoạt động theo các kênh chính thức được thiết lập cho việc thực hành tôn giáo; và gây áp lực để bắt từ bỏ tôn giáo hay tín ngưỡng. Tôi cũng đã gặp một tù nhân lương tâm tại trại giam nơi đang thụ án.

Các cáo buộc nói trên có mức độ khác nhau và được đưa ra bởi những người thuộc các cộng đồng Phật giáo độc lập, các cá nhân thuộc nhiều cộng đồng Tin lành (trong đó một số

cộng đồng đã được đăng ký chính thức), một số nhóm Công giáo ở địa phương, những người thuộc các tổ chức Cao Đài độc lập, một số người theo các rao giảng tôn giáo mới như Dương Văn Minh, và nhiều nhóm khác. Do bị gây áp lực và bị khởi tố, một số người đã phải bỏ trốn hoặc chạy ra nước ngoài do lý do tôn giáo. Tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng việc đăng ký chính thức theo quy định của Chính phủ không phải là điều kiện bảo đảm cho quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng được tôn trọng một cách đầy đủ.

Tôi muốn giải thích rõ một thực tế rằng chuyến thăm quốc gia trong vai trò Báo cáo viên Đặc biệt không phải nhằm mục đích đánh giá sâu các trường hợp cụ thể. Để phân tích một cách toàn diện về các trường hợp cụ thể, cần phải có nhiều thông tin hơn nữa để có một bức tranh đầy đủ về các sự kiện thực tế có liên quan và được nhìn từ góc độ của tất cả các bên liên quan. Thay vào đó, mục đích chuyến thăm quốc gia của Báo cáo viên Đặc biệt là để đánh giá mức độ tin cậy trong các cáo buộc liên quan đến các vấn đề nhân quyền và lạm dụng nhân quyền. Không định kiến về tính chính xác của tất cả các sự kiện thực tế của tất cả các trường hợp cụ thể đã được báo cáo với tôi, tôi tin rằng, những vi phạm nghiêm trọng đối với quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng là một thực tế đang diễn ra ở Việt Nam – nhất là ở các vùng nông thôn, tuy không phải chỉ có ở nông thôn.

Đánh giá chung này không chỉ dựa trên các cuộc phỏng vấn và các tư liệu mà tôi nhận được từ những người bảo vệ nhân quyền và thành viên của nhiều cộng đồng tôn giáo khác nhau, mà còn liên quan mật thiết đến những quan sát một cách có hệ thống mà tôi đã mô tả ở phần đầu của tuyên bố báo chí này, bao gồm:

- thái độ nhìn chung là tiêu cực và tùy tiện đối với các quyền của các nhóm thiểu số và cá nhân thực hành tôn giáo ngoài các kênh chính thức đã được thiết lập;
- việc thường xuyên vi phạm dẫn một cách thiếu cụ thể về “lợi ích của đa số” hoặc lợi ích của “trật tự xã hội”;
- Các điều khoản hạn chế quá rộng về nhân quyền nói chung và quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng nói riêng;
- Cách trình bày không rõ ràng trong Bộ luật Hình sự, cụ thể là Điều 258 liên quan đến việc “lạm dụng” tự do dân chủ;
- Hệ thống tư pháp chưa có cơ chế truy đòi khắc phục pháp lý đủ hiệu quả mà người dân có thể tiếp cận một cách dễ dàng, v.v.

Những điều kiện đó đã tạo ra một cơ chế dễ gây tổn thương cho một số cá nhân và cộng đồng nhất định, phù hợp với báo cáo về các vi phạm nói trên.

Trong bối cảnh này, tôi muốn nhấn mạnh rằng thông qua nhiều cuộc trao đổi thảo luận của tôi với các thành viên của các cộng đồng tôn giáo, mà một vài tổ chức trong số đó đã chính thức đăng ký với chính quyền và thậm chí còn là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, mọi người đã bộc lộ nhận thức chung về những hạn chế hiện tại trong quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Điều đáng ngạc nhiên hơn cả là các lãnh đạo cấp cao của tòa án chưa hề nghe đến bất kỳ trường hợp nào một cáo buộc vi phạm quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng đã được đưa ra tòa.

Một khía cạnh quan trọng cũng được nhắc đến trong nhiều cuộc thảo luận, đó là sự phân chia giữa nông thôn với thành thị. Điều kiện hoạt động của các cộng đồng tôn giáo có thể rất khác nhau, tùy theo thông lệ ở các địa phương khác nhau trong nước. Ngoài ra, các chính sách của Ban Tôn giáo Chính phủ trung ương dường như chưa được phổ biến một cách hiệu quả xuống các cấp chính quyền địa phương.

VI. Nhận xét kết luận

Điều khoản tham chiếu cho chuyến thăm quốc gia của Báo cáo viên Đặc biệt có các yêu cầu đảm bảo “việc tiếp xúc một cách bí mật và không bị giám sát với các nhân chứng và nguồn tin riêng” và “Chính phủ phải bảo đảm rằng trong số những người đã tiếp xúc chính thức hoặc tiếp xúc riêng với Báo cáo viên Đặc biệt [...] trong các dịp có liên quan đến nhiệm vụ của Báo cáo viên đặc biệt sẽ không có một ai bị đe dọa, sách nhiễu, trừng phạt, hoặc phải chịu các thủ tục tố tụng tư pháp do đã gặp Báo cáo viên Đặc biệt”. Những điều kiện này đã không được tôn trọng, như tôi đã đề cập ở trên, với sự vi phạm nguyên tắc bảo mật. Do đó phần sau của chuyến thăm quốc gia đã bị gián đoạn.

Sự gián đoạn này càng đáng tiếc hơn vì tôi đã nhận thấy một số chuyển biến tích cực ở cấp trung ương. Hầu hết các đại diện của các cộng đồng tôn giáo đều đồng ý rằng, mặc dù có những vấn đề nghiêm trọng còn đang tồn tại nhưng điều kiện thực hành tôn giáo của họ đã được cải thiện trong những năm gần đây. Các cộng đồng tôn giáo bị cấm hoạt động sau năm 1975 hiện nay đã được phép hoạt động. Hơn nữa, một số đại diện của các cơ quan Chính phủ đã bày tỏ mong muốn xem xét những thay đổi trọng yếu trong quá trình thay thế Pháp lệnh Tôn giáo và Tín ngưỡng hiện nay bằng một luật mới để điều chỉnh những vấn đề này. Thực sự không nên bỏ lỡ một cơ hội như thế, vì đó có thể là một bước ngoặt để Việt Nam bảo vệ quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng.

Phép thử để đánh giá sự phát triển quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng ở Việt Nam là điều kiện hoạt động của các cộng đồng tôn giáo độc lập. Theo tình hình hiện nay, khả năng để họ hoạt động như các cộng đồng độc lập rất không an toàn và rất hạn chế; điều này rõ ràng là một vi phạm đối với Điều 18 của Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị mà Việt Nam là một quốc gia thành viên. Văn bản luật sắp được xây dựng về tôn giáo và tín ngưỡng cần làm rõ rằng việc đăng ký với chính quyền là một đề nghị, chứ không phải là một yêu cầu pháp lý. Đồng thời, các cộng đồng cần có nhiều phương án lựa chọn khác đáng tin cậy và dễ tiếp cận để đạt được tư cách pháp nhân nhằm xây dựng hạ tầng thích hợp. Một ưu tiên hiển nhiên khác là xây dựng một cơ chế truy đòi khắc phục pháp lý hữu hiệu và dễ tiếp cận nhằm sửa chữa điều chỉnh những vi phạm đối với quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng của các cá nhân hay nhóm người.

Để kết luận, tôi xin nhắc lại lời cảm ơn đối với Chính phủ Việt Nam đã mời tôi thực hiện chuyến thăm quốc gia này. Tôi tin rằng Chính phủ sẽ thực hiện đúng những yêu cầu bảo đảm cho tất cả những ai đã làm việc cùng tôi trong chuyến thăm này và những ai đã gặp và tiếp xúc với tôi trong chuyến công tác này sẽ không bị đe dọa, sách nhiễu, trừng phạt hoặc phải chịu các thủ tục tố tụng tư pháp sau chuyến thăm quốc gia này. Tôi sẽ tiếp tục liên hệ với họ và theo dõi sự an toàn của họ. Bất kỳ sự cố nào có tính trả thù đều sẽ được báo cáo lên Hội đồng Nhân quyền và Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

Tôi vui mừng nếu được đóng góp ý kiến chuyên môn của tôi với tư cách là Báo cáo viên Đặc biệt trong tiến trình Chính phủ Việt Nam cải thiện các điều kiện pháp lý và hạ tầng nhằm thúc đẩy quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng cho tất cả mọi người. Tôi cũng sẽ tiếp tục làm việc với Chính phủ Việt Nam trên tinh thần hợp tác xây dựng.